



**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
*LIST OF ACCREDITED TESTS*

*(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG  
ngày tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận  
chất lượng quốc gia/of BoA Director)*

---

Tên phòng thí nghiệm:	<b>Phòng Thiết kế Kết cấu công trình biển</b>
<i>Laboratory:</i>	<i>Offshore structural engineering.</i>
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	<b>Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế - Liên Doanh Việt Nga Vietsovpetro</b>
<i>Organization:</i>	<i>Research and Engineering Institute- Joint Venture Viet Nga Vietsovpetro</i>
Số hiệu/ Code:	<b>VILAS 1575</b>
Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>	<b>ISO/IEC 17025:2017</b>
Lĩnh vực:	<b>Vật liệu xây dựng</b>
<i>Field:</i>	<i>Civil - Engineering</i>
Người quản lý/ <i>Laboratory manager:</i>	<b>Phạm Quốc Bảo</b>
Hiệu lực công nhận <i>Period of Validation:</i>	<b>từ ngày / 5 /2026 đến ngày 01/6/2030</b>
Địa chỉ/Address:	<b>Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>No 105 Le Loi street, Vung Tau ward-Ho Chi Minh City-Viet Nam.</i></b>
Địa điểm/ Location:	<b>Số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>No 105 Le Loi street, Vung Tau ward-Ho Chi Minh City-Viet Nam</i></b>
Điện thoại/ Tel:	<b>0254-3839871</b>
Email:	<b>vspadmin@vietsov.com.vn</b>
Website:	<b>www.vietsov.com.vn</b>

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1575**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng**

*Field of testing: Civil - Engineering*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	<b>Đất, Đá</b> <i>Soil, Rock</i>	Xác định độ ẩm theo khối lượng <i>Determination of water (moisture) content by mass</i>		ASTM D2216-19
2.	<b>Đất</b> <i>Soil</i>	Xác định tỷ trọng bằng phương pháp thể chỗ nước Phương pháp A và Phương pháp B <i>Determination of specific gravity by the water displacement method Method A and Method B</i>		ASTM D854-23 <sup>(1)</sup>
3.		Xác định giới hạn dẻo <i>Determination of plastic limit</i>		ASTM D4318-17e1
4.		Xác định giới hạn chảy. Phương pháp B <i>Determination of liquid limit. Method B</i>		ASTM D4318-17e1
5.		Xác định thành phần hạt. Phương pháp tỷ trọng kế <i>Determination of particle-size distribution (gradation). Sedimentation (hydrometer) method.</i>		ASTM D7928-21e1
6.		Xác định thành phần hạt. Phương pháp sàng (Phương pháp B). <i>Determination of particle-size distribution (gradation). Sieve method (Method B).</i>		ASTM D6913/ D6913M-17
7.		Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng. <i>Determination of direct shear under consolidated drained condition.</i>		ASTM D3080/D3080M-23
8.		Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) của mẫu. Phương pháp B <i>Determination of density and unit weight of specimen. Method B</i>		ASTM D7263-21

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN***LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1575**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i></b>	<b>Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i></b>	<b>Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i></b>	<b>Phương pháp thử/ <i>Test method</i></b>
9.	<b>Đất <i>Soil</i></b>	Xác định sức kháng cắt không cố kết, không thoát nước (UU) của đất trên máy nén 3 trục <i>Determination of unconsolidated-undrained triaxial compression on cohesive soils</i>		ASTM D2850-24
10.		Xác định sức kháng cắt cố kết, không thoát nước (CU) của đất trên máy nén 3 trục <i>Determination of consolidated undrained triaxial compression for cohesive soils</i>		ASTM D4767-20
11.		Xác định sức kháng cắt cố kết, thoát nước (CD) trên máy nén 3 trục <i>Determination of consolidated drained triaxial compression</i>		ASTM D 7181-20
12.		Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông <i>Determination of one – dimensional consolidation properties using incremental loading</i>		ASTM D2435/ D2435M-20

**Chú thích/ Note:**

ASTM: *American Society for Testing and Materials*;

<sup>(1)</sup> Không áp dụng cho đất chứa các muối hòa tan trong nước và các chất nhẹ hơn nước/ *Not used for soil solids having solids, which readily dissolve in water or float in water.*

Trường hợp Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Nghiên cứu Khoa học và Thiết kế phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Research and Engineering Institute that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

